

Bản án số: 02/2023/HSNCTN-ST

Ngày: 22 - 2 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thúy (Chuyên viên UBMTTQ Việt Nam, tỉnh Thái Nguyên).

2. Ông Đặng Bắc (Giáo viên nghỉ hưu).

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 2 năm 2023 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLST-HSNCTN ngày 10 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HSNCTN ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: MA VĂN T, (Tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 01 tháng 5 năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh K. Nơi thường trú: Tổ dân phố M.C, phường H.T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ma Văn A sinh năm 1969; Con bà: Hà Thị Q sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Có vợ là: Nông Thị Ph (đã ly hôn), có một con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: NGUYỄN MINH TR (Tên gọi khác: Không).

Sinh ngày 26 tháng 10 năm 2004. Tại: K. *(Tính đến thời điểm phạm tội là ngày 07/7/2022 thì bị cáo Tr được 17 tuổi 08 tháng 08 ngày)*.

Nơi ĐKKHKT và nơi thường trú: Thôn K, xã V, thành phố K tỉnh K; Nghề nghiệp: Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L sinh năm 1960; Con bà: Đinh Thị H sinh năm 1968; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 05; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 01/11/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: MA VĂN T.A, (Tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 04 tháng 10 năm 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Y huyện C, tỉnh B. Nơi thường trú: tổ dân phố M, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Con ông: Ma Văn Th sinh năm 1962; Con bà: Ma Thị L sinh năm 1962; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03; Vợ, Con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 952 ngày 30/11/2022 của Công an huyện P xử phạt Ma Văn T.A mức phạt 5.000.000đ về hành vi sử dụng giấy Chứng minh nhân dân giả theo Điều 10 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 15/02/1995.

Nơi thường trú: thôn Đ xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt. Có đơn xin xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Dương Kiều L, sinh ngày 14/8/1984.

Nơi thường trú: xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/9/1979.

Nơi thường trú: TDP C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị B, sinh ngày 02/3/1994.

Nơi thường trú: xóm K, xã D, huyện N, tỉnh K. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 6/2022, Nguyễn Minh Tr đến thuê ở trọ tại thôn Quang Khải, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để xin làm công nhân tại khu công nghiệp Bá Thiện 2, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian chờ xin việc, Tr lên mạng xã hội facebook thì được giới thiệu với người đàn ông tên “H” (không rõ họ tên và địa chỉ, có sử dụng số điện thoại 0979.046.092 đăng ký tài khoản zalo tên “Phan Văn Ch”) và thỏa thuận thuê Tr làm công việc vận chuyển tiền giả cho “H”, nếu có người có nhu cầu mua tiền giả thì Tr có thể mua của “H” để bán lại kiếm lời. Ngày 02/7/2022, Tr đăng tin rao bán tiền giả trên tài khoản facebook “Nguyễn Tr” thì được Ma Văn T sử dụng tài khoản facebook tên “Văn T” liên hệ và đặt mua 1.500.000 đồng tiền giả với giá 500.000đ tiền thật. Sáng ngày 03/7/2022 Tr đã liên hệ mua của “H” 1.500.000đ tiền giả tại thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội với giá 300.000đ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, theo hướng dẫn của Tr, T tìm gặp được Tr tại khu vực gần Nhà văn hóa thôn Đồng Nhạn, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây Tr đưa cho T 1.500.000đ tiền giả gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411 và 05 tờ mệnh giá 200.000đ đều có seri ET20190366, T đã trả cho Tr 500.000đ tiền thật như đã thỏa thuận.

Sau khi mua được tiền giả của Tr, Ma Văn T mang về cất giấu tại phòng ở trọ thuộc tổ dân phố M, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên và đã sử dụng tiền giả để chi tiêu, mua bán tiêu sài cá nhân, cụ thể: khoảng giữa tháng 7/2022, T sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ để mua óc lợn hầm có giá 25.000 đồng của một người phụ nữ bán hàng rong tại cổng khu công nghiệp Đ và được người này trả lại 175.000đ tiền thật; Tiếp đó T có nói chuyện cho Ma Văn T.A biết việc T mua được 1.500.000đ tiền giả và rủ T.A cùng đi tiêu thụ bằng cách dùng tiền giả mua xăng xe rồi nhận lại tiền thừa là tiền thật để chi tiêu hưởng lợi T.A đã đồng ý. Ngày 25/7/2022, T cùng T.A mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 20H1 - 573.91 của anh Mạc Văn Th đi đến cửa hàng xăng dầu Đ (thuộc Công ty Cổ phần Petro H&M tại xóm Trung 2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) gặp anh Nguyễn Văn Ch là nhân viên bán xăng mua 30.000đ tiền xăng, T.A trực tiếp đưa tờ tiền giả 200.000 đồng cho anh Ch và được anh Ch trả lại 170.000đ tiền thật. Ngày 01/8/2022, T và T.A tiếp tục mượn xe mô tô của anh Th đi đến cửa hàng xăng dầu Đ mua 50.000đ, lần này T.A đưa cho anh Ch tờ tiền giả mệnh giá 500.000đ và được anh Ch trả lại 450.000đ tiền thật. Sau đó T và T.A tiếp tục đi đến Cửa hàng xăng dầu (thuộc Công ty cổ phần xăng dầu, dầu khí Thái Nguyên, tại xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh

Thái Nguyên) mua 30.000 đồng xăng, tại đây khi T.A đưa tờ tiền giả 200.000đ để trả thì nhân viên bán xăng nghi ngờ là tiền giả nên không nhận nên T.A đã lấy tiền riêng của mình để trả đồng thời lấy lại tờ tiền giả nêu trên. Sau đó T.A đã vứt bỏ tờ tiền giả tại một địa điểm ở khu vực xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhưng không nói cho T biết. Ngày 02/8/2022, T và T.A tiếp tục mượn xe mô tô của anh Th đi đến Cửa hàng xăng dầu Đ mua xăng, lần này khi T.A sử dụng tờ tiền giả 200.000đ để trả thì bị nhân viên bán xăng là anh Đỗ Văn C phát hiện và trình báo Cơ quan điều tra xử lý theo thẩm quyền. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411 và 02 tờ mệnh giá 200.000đ có số seri ET20190366 tiền giả mà T.A và T đã sử dụng để mua xăng tại Cửa hàng xăng dầu Đ. Đồng thời kiểm tra nơi ở của Ma Văn T đã phát hiện thu giữ 01 tờ tiền giả 200.000đ có số seri ET20190366.

Tại bản kết luận giám định số 1192/KTHS ngày 05/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số tiền gửi giám định trong phong bì kí hiệu T, TA, T1 (gồm 01 tờ mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411, 03 tờ mệnh giá 200.000đ đều có seri ET20190366) là tiền giả.

Về hoàn cảnh điều kiện kinh tế của các bị can: Các bị can Ma Văn T, Ma Văn T.A, Nguyễn Minh Tr không có tài sản có giá trị thuộc sở hữu cá nhân.

Vật chứng của vụ án: + 01 tờ mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411 và 03 tờ mệnh giá 200.000đ đều có seri ET20190366. (Niêm phong TT25)

+ Đồ vật tạm giữ của Ma Văn T: 01 ví da màu đen có dòng chữ “Levi’s”; 01 căn cước công dân số 006092004383 mang tên Ma Văn T; 04 thẻ ngân hàng (gồm: 01 thẻ Ngân hàng Shinhanbank, số thẻ: 9704242002641676; 01 thẻ Ngân hàng MSB, số thẻ: 9704260308915842; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 9704150109035033; 01 thẻ ngân hàng Wooribank, số thẻ: 9704570003153154) đều mang tên “MA VAN T”; 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màn hình cảm ứng màu đen, IMEI 1: 352977108236789; IMEI 2: 352988108236787, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0329628329. (Niêm phong ký hiệu T15); Số tiền 59.200đ

+ Đồ vật tạm giữ của Ma Văn T.A: 01 ví da màu nâu đỏ có dòng chữ “Puma”; 01 sim điện thoại, trên sim có dãy số 8984050921. 1615765767; 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, IMEI 1: 868393041888173; IMEI 2: 868393041888165, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0866814734. (Niêm phong ký hiệu T14); Số tiền 3.330.000đ.

+ Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Minh Tr: 01 Điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, IMEI: 356960063291764; MEID: 35696006329176, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0357.855.899. (Niêm phong ký hiệu TR21).

Tại bản cáo trạng số Số: 07 /CT- VKSTN- P1, ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên Truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để xét xử đối với bị cáo Ma Văn T về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, các bị cáo Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T.A đều về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo đều xác định việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, không oan.

Trong phần luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên xử bị cáo Ma Văn T về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”, bị cáo Nguyễn Minh Tr, Ma Văn T.A về tội “Lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Ma Văn T từ 48 đến 56 tháng tù; phạt bị cáo Ma Văn T.A mức án từ 42 đến 48 tháng tù;

2. Áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 207 BLHS: phạt các bị cáo T, T.A từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 91 và 101 của Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh Tr từ 36 đến 42 tháng tù; Bị cáo Tr khi phạm tội là người chưa thành niên, bản thân không có tài sản và thu nhập nên theo Điều 99 BLHS xét miễn áp dụng phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch 350.000đ; bị cáo T.A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch 350.000đ;

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng:

+ 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411 và 03 tờ mệnh giá 200.000đ đều có seri ET20190366. (Niêm phong TT25)

- Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước công cụ dùng vào việc phạm tội, khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cụ thể:

+ , Tịch thu của Ma Văn T 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màn hình cảm ứng màu đen, IMEI 1: 352977108236789; IMEI 2: 352988108236787, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0329628329. (Niêm phong ký hiệu T15);

+ , Tịch thu số tiền bị cáo T, bị cáo Tr mà mỗi bị cáo được hưởng lợi do phạm tội mà có: Bị cáo T phải nộp lại số tiền 200.000đ; Bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 200.000đ.

Hoàn trả các đồ vật cho các bị cáo :

+ Ma Văn T nhận lại: 01 ví da màu đen có dòng chữ “Levi’s”; 01 căn cước công dân số 006092004383 mang tên Ma Văn T; 04 thẻ ngân hàng (gồm: 01 thẻ Ngân hàng Shinhanbank, số thẻ: 9704242002641676; 01 thẻ Ngân hàng MSB, số thẻ: 9704260308915842; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 9704150109035033; 01 thẻ ngân hàng Wooribank, số thẻ: 9704570003153154) đều mang tên “MA VAN T”;

+ Ma Văn T.A nhận lại: 01 ví da màu nâu đỏ có dòng chữ “Puma”; 01 sim điện thoại, trên sim có dãy số 8984050921. 1615765767;

+ Nguyễn Minh Tr nhận lại: 01 Điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, IMEI: 356960063291764; MEID: 35696006329176, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0357.855.899. (Niêm phong ký hiệu TR21).

Tạm giữ tài sản của các bị cáo để bảo đảm thi hành án:

+ , Số tiền 59.200đ của bị cáo Ma Văn T;

+ , 01 điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, IMEI 1: 868393041888173; IMEI 2: 868393041888165, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0866814734. (Niêm phong ký hiệu T14) và số tiền 3.330.000đ của bị cáo Ma Văn T.A;

Buộc các bị cáo T, T.A, Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng hình sự: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Kiểm

sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi liên quan đều không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi liên quan đến vụ án (Ông Nguyễn Văn Ch) và người làm chứng (Dương Kiều L, Nguyễn Văn C, Hoàng Thị B), Hội đồng xét xử thấy những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2]. Về căn cứ xác định tội danh đối với các bị cáo:

Hội đồng xét xử xác định lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do ham muốn kiếm lợi bất chính nên ngày 03/7/2022, Nguyễn Minh Tr đã liên hệ mua được của đối tượng tên “H” tại thị xã S.T, thành phố Hà Nội (không rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể) được 1.500.000đ tiền giả gồm 01 tờ mệnh giá 500.000đ có seri TK20398411, 05 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ đều có ghi cùng số seri ET20190366, Tr mua của “H” với giá 300.000đ tiền thật. Sau đó Tr bán lại số tiền giả nêu trên cho Ma Văn T với giá 500.000đ tiền thật. Sau khi mua được số tiền giả của Tr, T mang về phòng trọ của mình tại tổ dân phố M.C, phường H.T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên cất giữ, tiêu thụ. T đã sử dụng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ để chi tiêu cá nhân. T tiếp tục bàn bạc cùng với Ma Văn T.A sử dụng số tiền giả còn lại của T để dùng mua xăng xe máy và nhận lại tiền hoàn trả là tiền thật tại các Cửa hàng bán xăng dầu thuộc xã Đ.T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào các ngày 25/7/2022, 01 và 02/8/2022, T và T.A đã tiêu thụ trót lọt 700.000đ tiền giả (gồm 01 tờ mệnh giá 500.000đ và 01 tờ mệnh giá 200.000đ), T vứt bỏ 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ. Ngày 02/8/2022 khi T và T.A tiếp tục dùng 01 tờ tiền giả mệnh giá 200.000đ để tiêu thụ tại Cửa hàng xăng dầu Đ.T thì bị phát hiện thu giữ.

Như vậy, việc bị cáo Ma Văn T đã thực hiện hành vi mua tiền giả của Tr mang về nơi ở (phòng trọ) cất giấu và đồng thời mang đi tiêu thụ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử xác định bị cáo T đã phạm vào hai tội là “...tàng trữ và lưu hành tiền giả...” theo quy định là tội ghép

trong cùng một điều luật, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T.A đã thực hiện hành vi dùng tiền giả để lưu hành và tiêu thụ ngoài thị trường. Hành vi đó của các bị cáo đều có đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử xác định cả hai bị cáo đều phạm vào tội “...Lưu hành tiền giả...” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật hình sự.

Nội dung Điều 207 của Bộ luật hình sự:

“1. Người nào làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định của nhà nước về quản lý tiền tệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Ma Văn T và Ma Văn T.A đã thực hiện hành vi hai lần lưu hành tiền giả vào các ngày 25/7/2023 và 02/8/2023. Vì vậy, cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”. Bị cáo Nguyễn Minh Tr không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về căn cứ khi quyết định hình phạt:

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Đối với bị cáo Ma Văn T đã thực hiện hành vi mua tiền giả của Tr mang về nơi ở (phòng trọ) cất dấu và đồng thời mang đi tiêu thụ. Như vậy, bị cáo đã phạm vào hai tội được quy định ghép trong cùng một điều luật. Xét bị cáo là người được hưởng một tình tiết giảm nhẹ, nhưng cũng phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra tương ứng với 56 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ tội phạm và quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Minh Tr, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng những quy định tại Chương XII, điều 91, 101 của Bộ luật hình sự để ra một mức án phù hợp đối với bị cáo và mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định, tương ứng với mức án 03 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Ma Văn T.A thực hiện hành vi phạm tội lưu hành tiền giả, được hưởng một tình tiết giảm nhẹ, nhưng cũng phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị xử lý bằng một quyết định hành chính. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo, tương ứng với mức án là 04 năm tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh Tr vì bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội.

Đối với các bị cáo Ma Văn T và Ma Văn T.A, phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 207, buộc mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ma Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch 350.000đ; bị cáo Ma Văn T.A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch 350.000đ và cần áp dụng biện pháp đảm bảo việc thi hành án đối với các bị cáo.

[8]. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu TT25, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh B, Nông Thanh H và 03 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: 03 (ba) tờ 200.000đ; 01 (một) tờ 500.000đ;

Tịch thu sung quỹ nhà nước tài sản của bị cáo Ma Văn T dùng làm công cụ thực hiện phạm tội là: 01 (Một) điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màn hình cảm ứng màu đen, IMEI 1: 352977108236789; IMEI 2: 352988108236787, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0329628329 (Niêm phong ký hiệu T15);

Buộc các bị cáo Ma Văn T và Nguyễn Minh Tr nộp vào ngân sách nhà nước số tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Trong đó: Bị cáo Ma Văn T phải nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Ma Văn T những tài sản sau: 01 (Một) ví da màu đen có dòng chữ “Levi’s”; 01 (Một) thẻ căn cước công dân số 006092004383 mang tên Ma Văn T; 04 (Bốn) thẻ ngân hàng (gồm: 01 thẻ Ngân hàng Shinhanbank, số thẻ: 9704242002641676; 01 thẻ Ngân hàng MSB, số thẻ: 9704260308915842; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 9704150109035033; 01 thẻ ngân hàng Wooribank, số thẻ: 9704570003153154) đều mang tên “MA VAN T”;

Trả lại cho bị cáo Ma Văn T.A: 01 (Một) ví da màu nâu đỏ có dòng chữ “Puma”; 01 sim điện thoại, trên sim có dãy số 8984050921. 1615765767;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Tr: 01 (Một) Điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, IMEI: 356960063291764; MEID: 35696006329176, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0357.855.899. (Niêm phong ký hiệu TR21).

Tạm giữ tài sản của các bị cáo để bảo đảm thi hành án:

- Tạm giữ số tiền 59.200đ (Năm mươi chín nghìn hai trăm đồng) của bị cáo Ma Văn T;

- Tạm giữ của bị cáo Ma Văn T.A: 01 (Một) điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, IMEI 1: 868393041888173; IMEI 2: 868393041888165, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0866814734. (Niêm phong ký hiệu T14) và số tiền 3.330.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa đại diện Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thái Nguyên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Ủy nhiệm chi số 02/011, chuyển tiền vào ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên).

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về Điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Hội đồng xét xử buộc các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo Ma Văn T và Ma Văn T.A còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho người có quyền lợi liên quan là ông Nguyễn Văn Ch.

[11]. Thông báo về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan đến vụ án biết được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, 3 Điều 329; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326, Điều 327 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1, 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ma Văn T;

- Khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh Tr.

- Khoản 1, 5 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ma Văn T.A

- Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 585, 589, 592 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Văn T phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Các bị cáo Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T đều phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt

Ma Văn T **56** (Năm mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 8 năm 2022.

Nguyễn Minh Tr **03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Ma Văn T.A **04** (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 8 năm 2022.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh Tr. Vì bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội.

Phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo Ma Văn T và Ma Văn T.A. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

4. Ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo Ma Văn T, Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T.A đều với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ma Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch (Là người có quyền lợi liên quan) 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo Ma Văn T.A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ch 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu TT25, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh B, Nông Thanh H và 03 hình dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: 03 (ba) tờ 200.000đ; 01 (một) tờ 500.000đ;

Tịch thu sung quỹ nhà nước tài sản của bị cáo Ma Văn T dùng làm công cụ thực hiện phạm tội là: 01 (Một) điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màn hình cảm ứng màu đen, IMEI 1: 352977108236789; IMEI 2: 352988108236787, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0329628329 (Niêm phong ký hiệu T15);

Buộc các bị cáo Ma Văn T và Nguyễn Minh Tr nộp vào ngân sách nhà nước số tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Trong đó: Bị cáo Ma Văn T phải nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng); Bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Ma Văn T những tài sản sau: 01 (Một) ví da màu đen có dòng chữ “Levi’s”; 01 (Một) thẻ căn cước công dân số 006092004383 mang tên Ma Văn T; 04 (Bốn) thẻ ngân hàng (gồm: 01 thẻ Ngân hàng Shinhanbank, số thẻ: 9704242002641676; 01 thẻ Ngân hàng MSB, số thẻ: 9704260308915842; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 9704150109035033; 01 thẻ ngân hàng Wooribank, số thẻ: 9704570003153154) đều mang tên “MA VAN T”;

Trả lại cho bị cáo Ma Văn T.A: 01 (Một) ví da màu nâu đỏ có dòng chữ “Puma”; 01 sim điện thoại, trên sim có dãy số 8984050921. 1615765767;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Tr: 01 (Một) Điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, màn hình cảm ứng có nhiều vết nứt vỡ, IMEI: 356960063291764; MEID: 35696006329176, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0357.855.899. (Niêm phong ký hiệu TR21).

Tạm giữ tài sản của các bị cáo để bảo đảm thi hành án:

- Tạm giữ số tiền 59.200đ (Năm mươi chín nghìn hai trăm đồng) của bị cáo Ma Văn T;

- Tạm giữ của bị cáo Ma Văn T.A: 01 (Một) điện thoại di động, đã qua sử dụng nhãn hiệu Realme, màn hình cảm ứng, IMEI 1: 868393041888173; IMEI 2: 868393041888165, bên trong lắp 01 sim điện thoại số: 0866814734. (Niêm phong ký hiệu T14) và số tiền 3.330.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa đại diện Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thái Nguyên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Ủy nhiệm chi số 02/011, chuyển tiền vào ngày 09 tháng 01 năm 2023 tại kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên).

7. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Ma Văn T, Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T.A đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo Ma Văn T và Ma Văn T.A đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt, các bị cáo (Ma Văn T, Nguyễn Minh Tr và Ma Văn T.A). Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt Người có quyền lợi liên quan đến vụ án (ông Nguyễn Văn Ch). Báo cho ông Ch biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKS ND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Nguyên;
- CQTHAHS Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TTTGPL tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo, Người có quyền lợi liên quan đến vụ án;
- Lưu: HS, T.H.A HS, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên